BỘ Y TẾ **CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 678 /QĐ-QLD	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục 100 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 88

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-BYT ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BYT ngày 24/11/2009 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp số đăng ký lưu hành thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 100 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 88.

Điều 2. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc có trách nhiệm cung cấp thuốc vào Việt Nam theo đúng các hồ sơ tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế. Số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp phải được in lên nhãn thuốc. Số đăng ký có ký hiệu VN-.....-14 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc phải chấp hành đầy đủ pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và các quy định của Bộ Y tế về nhập khẩu thuốc và lưu hành thuốc tại Việt Nam; nếu có bất cứ thay đổi gì trong quá trình lưu hành thuốc ở nước sở tại và ở Việt Nam thì phải báo cáo ngay cho Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế Việt Nam.

Điều 4. Số đăng ký VN-18509-14 của thuốc Fenilham thay thế số đăng ký VN2-259-14 tại danh mục kèm theo Quyết định 534/QĐ-QLD ngày 19/9/2014 của Cục trưởng Cục Quản lý Dược

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giám đốc nhà sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Trương Quốc Cường

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế Giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TW, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược VN;
- Các Công ty XNK Dược phẩm;
- Các Bệnh viện & Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược & MP - Cục QLD;
- Lưu: VP, KDD, ĐKT(10).

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC 100 THUỐC ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ HIỆU LỰC 5 NĂM - ĐỢT 88
Ban hành kèm theo quyết định số: 678/QĐ-QLD, ngày 08/12/2014

1. Công ty đăng ký: A. Menarini Singapore Pte. Ltd *(Đ/c: 30 Pasir Panjang Road, # 08-32 Mapletree Business City, (117440) - Singapore)*

1.1 Nhà sản xuất: Patheon Inc. *(Đ/c: Toronto Region Operations 2100 Syntex Court, Mississauga, Ontario, L5N 7K9 - Canada)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Tracleer (CS xuất xưởng: Actelion Pharmaceuticals Ltd, đ/c: Gewerbestrasse 16, CH-4123 Allschwil, Switzerland)	Bosentan (dưới dạng Bosentan monohydrat) 125mg	Viên nén bao phim	60 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60 viên	VN-18486-14
2	Tracleer (CS xuất xưởng: Actelion Pharmaceuticals Ltd, đ/c: Gewerbestrasse 16, CH-4123 Allschwil, Switzerland)	Bosentan (dưới dạng Bosentan monohydrat) 62,5mg	Viên nén bao phim	60 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60 viên	VN-18487-14

2. Công ty đăng ký: Abbott Laboratories *(Đ/c: 100 Abbott Park Road, Abbott Park, Illinois 60064 - USA)*

2.1 Nhà sản xuất: Abbvie Deutschland GmbH & co.KG *(Đ/c: Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen. - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Norvir	Ritonavir 100mg	viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 30 viên	VN-18488-14

3. Công ty đăng ký: Access Healthcare Inc *(Đ/c: 292 Fifth Avenue, New York, NY 10001, USA - USA)*

3.1 Nhà sản xuất: ACI Pharma Private Limited *(Đ/c: 172/A, Plot 135/A, IDA Bollaram, Jinnaram Mandal, Medak Andhra Pradesh 502325 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Zesom	Rabeprazol natri 20 mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18489-14

4. Công ty đăng ký: Actavis International Ltd *(Đ/c: BLB 016 Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN 3000 - Malta)*

4.1 Nhà sản xuất: Niche Generics Limited *(Đ/c: Unit 5, 151 Baldoyle Industrial Estate, Dublin 13 - Ireland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	Bisoblock 5mg	Bisoprolol fumarate 5mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18490-14

4.2 Nhà sản xuất: S.C.Sindan-Pharma SRL *(Đ/c: 11th Ion Mihalache blvd., Sector 1, Zip code 011171, Bucharest - Romania)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Fludalym 25mg/ml	Fludarabin phosphat 25mg/ml	Bột đông khô pha dung dịch truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, 5 lọ x 50mg	VN-18491-14

5. Công ty đăng ký: Aegis Ltd. *(Đ/c: 1, Efterpis Street, 2003 Nicosia (Lefkosia) - Cyprus)*

5.1 Nhà sản xuất: Aegis Ltd. *(Đ/c: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P.O.Box 28629, 2081 Lefkosia - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Melgez 7.5mg tablets	Meloxicam 7,5 mg	Viên nén	36 tháng	BP 2009	Hộp 10 vỉ nhôm x 10 viên	VN-18492-14

6. Công ty đăng ký: APC Pharmaceuticals & Chemical Limited *(Đ/c: Suite 2102, 21/F Wing on centre, 111 Connaught Road, Central - Hong Kong)*

6.1 Nhà sản xuất: Marck Biosciences Limited *(Đ/c: 876, NH No. 8, Vill. Hariyala, Tal. Matar, Dist. Kheda-387411, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Sterilised water for injection BP	Nước cất pha tiêm	Dung môi pha tiêm	48 tháng	NSX	Hộp 50 ống x 10ml	VN-18493-14
9	Sterilised water for injection BP	Nước cất pha tiêm	Dung môi pha tiêm	48 tháng	BP 2013	Hộp 50 ống x 5ml	VN-18494-14

6.2 Nhà sản xuất: MSN Laboratories Limited *(Đ/c: Plot No 42, Anrich industrial Estate, Bollaram, Medak District - 502325, Andhra Pradesh - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Floxsafe 400	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid) 400 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 5 viên	VN-18495-14

7. Công ty đăng ký: Aurobindo Pharma Limited *(Đ/c: Plot No. 2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038, Andhra Pradesh - India)*

7.1 Nhà sản xuất: Aurobindo Pharma Limited *(Đ/c: Unit-XII, Survey No. 314 Bachupally village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Andhra Pradesh - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Koact 625	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500 mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 125 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2010	Hộp 3vỉ x 5viên	VN-18496-14

8. Công ty đăng ký: B.Braun Medical Industries S/B *(Đ/c: Bayan Lepas Free Industrial Zone, 11900 Bayan Lepas, Penang - Malaysia)*

8.1 Nhà sản xuất: B.Braun Medical AG *(Đ/c: Route de Sorge, 9 CH- 1023 Crissier. - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Tetraspan 6% solution for infusion	Poly(0-2-hydroxyethyl) starch (HES) 6%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Chai 500ml, hộp 10 chai 500ml, túi 250ml, túi 500ml, hộp 20 túi 250ml, hộp 20 túi 500ml	VN-18497-14

9. Công ty đăng ký: Brawn Laboratories Ltd *(Đ/c: Delhi Stock Exchange Building 4/4B Asaf Ali Road, New Delhi 110002 - India)*

9.1 Nhà sản xuất: Brawn Laboratories Ltd *(Đ/c: 13, New Industrial Township, Faridabad 121001, Haryana. - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Pantro Injection	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri) 40mg	Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ + 1 ống 10ml nước cất pha tiêm	VN-18498-14

10. Công ty đăng ký: Cadila Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Sarkhej Dholka Road, Bhat-Ahmedabad, 382 210, Gujarat - India)*

10.1 Nhà sản xuất: Cadila Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 1389, Trasad Road, Dholka-387 810, District: Ahmedabad, Gujarat state - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Allerstat 120	Fexofenadine Hydrochloride 120mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-18499-14
15	Cadigrel	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulphat) 75mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 36	Hộp lớn chứa 3 hộp nhỏ x 1 vỉ x 10 viên	VN-18500-14
16	Mozoly 5	Mosaprid citrat (dưới dạng Mosaprid citrat dihydrat) 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18501-14

11. Công ty đăng ký: China National Pharmaceutical Foreign Trade Corporation (SinoPharm) *(Đ/c: No. 20 Zinchun Road, Haidan District, Beijing - China)*

11.1 Nhà sản xuất: Zhejiang Ruixin Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: Kaifa Road, Tiannaing Industrial Zone, Lishui, Zhejiang - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Sifagen	Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 80mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	36 tháng	BP 2007	Hộp 10 ống x 2ml	VN-18502-14

12. Công ty đăng ký: Cipla Ltd. *(Đ/c: Mumbai Central Mumbai 400 008 - India)*

12.1 Nhà sản xuất: Cipla Ltd *(Đ/c: Plot No 9 & 10, Pharma zone, Phase II, Indore SEZ, Pithampur (MP)-454775 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Ciplactin	Cyproheptadine hydrochloride 2mg/5ml	Si rô	24 tháng	USP 34	Hộp 1 lọ 100ml	VN-18503-14
19	Foracort 200 Inhaler	Budesonide (Micronised) 210mcg/nhát; Formoterol fumarate dihydrate 6,6mcg/nhát	Thuốc hít phân liều	24 tháng	NSX	Ống 120 liều	VN-18504-14

13. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân *(Đ/c: 22 Hồ Biểu Chánh, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

13.1 Nhà sản xuất: Laboratorio Pablo Cassará S.R.L *(Đ/c: Carhue 1096 (C1408GBV), Ciudad de Buenos Aires - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
20	Salbutral	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulphat) 100mcg/liều	Hỗn dịch khí dung chia liều	24 tháng	NSX	Hộp 1 ống khí dung 250 liều	VN-18505-14

13.2 Nhà sản xuất: R.P. Scherer GmbH & Co.KG *(Đ/c: Gammelsbacher Street 2, D-69412 Eberbach. - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	Prostogal (Cơ sở đóng gói: Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co.KG; địa chỉ: Willmar-Schawabe-Street 4, D-76227 Karlsruhe- Germany)	Cao đặc quả Cọ lùn (Fructus Sabal serrulata syn, Fructus Serenoa repens)(10-14,3:1) 160mg/viên; Cao khô rễ Tầm ma (Radix Urtica dioica)(7,6-12,5:1) 120mg/viên;	Viên nang mềm	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 20 viên	VN-18506-14

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ *(Đ/c: Số 1-3, Lộ C, Cư xá Lạc Long Quân, P.5, Q.11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

14.1 Nhà sản xuất: Atabay Kimya San ve Tic A.S. *(Đ/c: Tavsanli Koyu, Esentepe Mevkii, Gebze, Kocaeli - Turkey)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	Sulcilat 250mg/5ml	Sultamicillin 250mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ bột để pha 40ml hỗn dịch	VN-18507-14
23	Sulcilat 750	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosylat dihydrat) 750 mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10viên	VN-18508-14

15. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Bình Việt Đức *(Đ/c: 62/36 Trương Công Định, P. 14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

15.1 Nhà sản xuất: Hameln Pharmaceuticals GmbH *(Đ/c: Langes Feld 13, 31789 Hameln - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Fenilham	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrate) 50,0 mcg/ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 10 ống 10ml	VN-18509-14

16. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DKSH Việt Nam *(Đ/c: Số 23 Đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

16.1 Nhà sản xuất: AV Manufacturing Sdn.Bhd *(Đ/c: Lot 10621 (PT 16700), Jalan Permata 2, Arab Malaysian Industrial Park, 71800 Nilai, Negeri Sembilan - Malaysia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Artril Forte	Glucosamin (dưới dạng glucosamin sulphat natri) 400 mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60 viên	VN-18510-14

17. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hiệp Thuận Thành *(Đ/c: Phòng 104, nhà A3, Khu tập thể Công ty Cơ khí Hà Nội, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)*

17.1 Nhà sản xuất: Anhui Doulbe-Crane Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: Anhui Province Fanchang Economy - P.R.China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Glucose Injection 10%	Glucose 50g/500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	CP 2010	Chai 500ml	VN-18511-14
27	Glucose Injection 5%	Glucose 25g/500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	CP 2010	Chai 500ml	VN-18512-14

17.2 Nhà sản xuất: Shandong Lukang Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: No. 173 Taibailou West Road, Jining, Shandong - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
28	Spectinomycin Hydrochloride for Injection (2g)	Spectinomycin (dưới dạng Spectinomycin hydrochloride) 2g	Bột pha tiêm	36 tháng	CP 2010	Hộp 1 lọ và 1 ống dung môi	VN-18513-14

17.3 Nhà sản xuất: Zhejiang Yatai Pharmaceutical Co.,Ltd *(Đ/c: No.1152, Yunji Road, Shaoxing, Zhejiang - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Uklin	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon	Bột pha tiêm	24 tháng	CP 2010	Hộp 1 lọ bột và 1 ống nước cất	VN-18514-14

		natri) 500 mg; Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 500 mg				pha tiêm 10ml	

18. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Quốc tế Nam Việt *(Đ/c: 216R Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

18.1 Nhà sản xuất: Remedica Ltd. *(Đ/c: Limassol Industrial Estate P.O. Box 51706 3508 Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Cyplosart plus 50/12,5 FC tablets	Losartan Kali 50 mg; Hydrochlorothiazid 12,5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18515-14

19. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Tiền Giang *(Đ/c: 23 đường số 9, Khu dân cư Nam Long, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP. Hồ Chí Minh - Viêt Nam)*

19.1 Nhà sản xuất: Hyrio Laboratories Pvt. Ltd *(Đ/c: C/40, Ground Floor, Subhlaxmi, Chani Jakat Naka, New Sama Road, Vadodara - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
31	Sypom 20	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi dihydrat) 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x10 viên	VN-18516-14
32	Sypom 40	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi dihydrate) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x10 viên	VN-18517-14

20. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê *(Đ/c: B2, lô 15, Khu đô thị mới Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

20.1 Nhà sản xuất: Marck Biosciences Limited *(Đ/c: 876, NH No. 8, Vill. Hariyala, Tal. Matar, Dist. Kheda-387411, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

33	Moxiwish I.V	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid) 400mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100ml	VN-18518-14

21. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược Việt Mỹ *(Đ/c: Số 3/A2, Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, Q. Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

21.1 Nhà sản xuất: Medicraft Pharmaceuticals (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 126-B Industrial Estate Hayatabad Peshawar - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Ceponew 100mg capsule	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-18519-14
35	Eplancef 100mg capsule	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-18520-14

22. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Kiến Việt *(Đ/c: 437/2 Lê Đức Thọ, Phường 16, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

22.1 Nhà sản xuất: Stallion Laboratories Pvt. Ltd. *(Đ/c: C1B 305, 2&3 G.I.D.C. Kerala (Bavla) Dist. Ahmedabad, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Rabesta-20	Rabeprazol natri 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ Alu-Alu x 10 viên	VN-18521-14
37	Telmistal-40	Telmisartan 40mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18522-14

23. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Lamda *(Đ/c: 171 Đỗ Quang, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng - Việt nam)*

23.1 Nhà sản xuất: ACS Dobfar info SA *(Đ/c: Casai 7748 Campasico - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Levogolds	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 750mg/150ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Túi nhôm chứa 1 túi truyền PVC chứa 150 ml dung dịch	VN-18523-14

						truyền tĩnh mạch	

24. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV Vimepharco *(Đ/c: Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)*

24.1 Nhà sản xuất: Belmedpreparaty RUE *(Đ/c: 220007, Minsk, 30 Fabritsius Street - Belarus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
39	Heparin-Belmed	Heparin natri 5000 IU/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch, tiêm dưới da	36 tháng	NSX	Hộp 5 lọ 5ml	VN-18524-14

25. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Phương *(Đ/c: 119, Đường 41, P. Tân Quy, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

25.1 Nhà sản xuất: BCWorld Pharm.Co.,Ltd. *(Đ/c: 872-23, Yeojunam-ro, Ganam-myeon, Yeoju-gun, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
40	Buluking	L-Ornithine-L-Aspartate 5g/10ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch chậm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống 10ml	VN-18525-14

25.2 Nhà sản xuất: Healthcare Pharmaceuticals Ltd *(Đ/c: Rajendrapur, Gazipur - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Glemep	Glimepiride 2mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18526-14

26. Công ty đăng ký: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Việt Thành *(Đ/c: 103 Núi Trúc, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)*

26.1 Nhà sản xuất: GR Scherer Korea Limited *(Đ/c: 704-1, Jeonsu-Ri, Kangha-Myon, Yangpyong-Gun, Kyungki-Do. - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

42	Hagin	Cao khô Nhân sâm (Extractum Panacis Gingseng siccum 40,02mg; Cao khô Linh Chi (Extractum Ganodermae lucidi siccum) 30,45mg; DL-alpha tocopherol 40,00mg; Sữa ong chúa 30,00mg; Beta caroten 13,05mg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp thiếc x 2 túi nhôm x 6 vỉ X 5 viên/2 túi nhôm x 5 vỉ x 5 viên/6 túi nhôm x 6 vỉ x 5 viên	VN-18527-14

27. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TM DP Đông á *(Đ/c: Số 13, lô 13A, phố Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

27.1 Nhà sản xuất: Haikou Pharmaceutical Factory Co., Ltd. *(Đ/c: West 66, Nanhai Road, Xiuying Dist., Haikou - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	Phong liễu Tràng vị khang	Mỗi gói 8g cốm chứa: Ngưu nhĩ phong (Daphyniphyllum calycinum Benth.) 2g; La liễu (Polygonum hydropiper L.) 1g	Cốm pha dung dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 6 gói hoặc 9 gói	VN-18528-14

28. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt *(Đ/c: 788/2B Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

28.1 Nhà sản xuất: Ciron Drugs & Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: N-118, 119, M.I.D.C., Tarapur, Boisar, Dist: Thane 401506, Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
44	Cirexium	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole natri) 40mg	Bột đông khô pha tiêm tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-18529-14
45	Pantonova IV	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole natri sesquihydrate)	Bột đông khô pha tiêm tĩnh	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 ống	VN-18530-14

		40mg	mạch			dung môi pha tiêm NaCl 0,9% 10ml	

29. Công ty đăng ký: Duopharma (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 2599, Jalan Seruling 59, Kawasan 3, Taman Klang Jaya, 41700 Klang, Selangor Darul Ehsan - Malaysia)*

29.1 Nhà sản xuất: Duopharma (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 2599, Jalan Seruling 59, Kawasan 3, Taman Klang Jaya, 41200 Klang, Selangor - Malaysia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Anikef Sterile 750mg	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime sodium) 750mg	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 36	Hộp 10 lọ bột pha tiêm	VN-18531-14

30. Công ty đăng ký: Emcure Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: T-184, M.I.D.C. Bhosaru, Pune 411026 - India)*

30.1 Nhà sản xuất: Emcure Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Plot No. P-2, Phase-II, ITBT park MIDC, Hinjwadi, Pune-411057, Maharashtra state - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
47	Elriz	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18532-14

31. Công ty đăng ký: F. Hoffmann-La Roche Ltd. *(Đ/c: Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel - Switzerland)*

31.1 Nhà sản xuất: Patheon Inc. *(Đ/c: 2100 Syntex Court Mississsauga, Ontario, L5N7K9. - Canada)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
48	Valcyte	Valganciclovir (dưới dạng Valganciclorvir Hydrochloride) 450mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60 viên	VN-18533-14

32. Công ty đăng ký: Ferring Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Units 1-12, 25/F, No 1 Hung To Road Ngau Tau Kok, Kowloon, - Hongkong)*

32.1 Nhà sản xuất: Pharbil Pharma GmbH *(Đ/c: Reichenberger Strasse 43, D-33605 Bielefeld - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
49	Pentasa (Cơ sở đóng gói, xuất xưởng: Ferring International Center S.A. Địa chỉ: Chemin de la Vergognausaz CH-1162 St. Prex, Switzerland)	Mesalazine 1g	Viên đặt trực tràng	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-18534-14

33. Công ty đăng ký: Geofman Pharmaceuticals *(Đ/c: Plot No. 20/23 Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

33.1 Nhà sản xuất: Bosch Pharmaceuticals (PVT) Ltd. *(Đ/c: Bosch house 221, sector 23, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Ogrel Plus	Clopidogrel 75ml; Aspirin 75mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18535-14

34. Công ty đăng ký: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: B/2, Mahalaxmi Chambers, 22 Bhulabhai Desai Road, Mumbai-400 026 - India)*

34.1 Nhà sản xuất: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: (Unit III) Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Nalagard, Dist. Solan, (H.P.)-174 101 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Combiwave B 100	Beclometasone dipropionate anhydous 0,024 g; (tương đương 200 liều x 100mcg Beclometasone dipropionate)	Thuốc hít dạng phun sương	24 tháng	BP 2010	Hộp 1 bình 200 liều hít	VN-18536-14
52	Combiwave B50	Beclometasone dipropionate anhydous 0,012g; (tương đương 200 liều x 50mcg Beclometasone	Thuốc hít dạng phun sương	24 tháng	BP 2010	Hộp 1 bình 200 liều hít	VN-18537-14

		dipropionate)					

35. Công ty đăng ký: Hana Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 301, Bando B/D, 946-18, Doguk-Dong, Kangnam-Ku, Seoul - Korea)*

35.1 Nhà sản xuất: Nexpharm Korea Co., Ltd. *(Đ/c: 112-3, Jangwoul-ri, Munbaek-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Grabos Tablet	Ginkgo biloba leaf extract 80mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-18538-14

36. Công ty đăng ký: Hetero Labs Limited *(Đ/c: 7-2 A2, Hetero Corporate, Industrial Estates, Sanathnagar, Hyderabad Andhra Pradesh-AP - India)*

36.1 Nhà sản xuất: Hetero Labs Limited *(Đ/c: Unit-V, Survey No. 410, 411, APIICSEZ, Polepally Village, Jadcherla Mandal Mahaboognagar District-509301 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Sife-100	Sildenafil (dưới dạng Sidenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp lớn x 5 hộp nhỏ x 1 vỉ x 4 viên	VN-18539-14
55	Sife-50	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 50mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp lớn x 5 hộp nhỏ x 1 vỉ x 4 viên	VN-18540-14

37. Công ty đăng ký: Hyphens Pharma Pte. Ltd *(Đ/c: 138 Joo Seng Road, #03-00, Singapore 368361 - Singapore)*

37.1 Nhà sản xuất: Laboratorios Salvat, S.A. *(Đ/c: C/Gall, 30-36, 08950 Esplugues de Llobregat (Barcelona) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
56	Cetraxal	Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin HCl) 0,2%	Dung dịch nhỏ tai	24 tháng	NSX	Hộp 15 ống x 0,25ml	VN-18541-14

38. Công ty đăng ký: Il Hwa Co., Ltd. *(Đ/c: 25, Angol-ro 56 Beon-gil, Guri-si, Gyeonggi-do - Korea)*

38.1 Nhà sản xuất: Huons Co. Ltd *(Đ/c: 957 Wangam-dong, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
57	Kipasrin Injection	Lidocain HCl 400mg/20ml	Dung dịch tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	36 tháng	USP 32	Hộp 10 lọ	VN-18542-14

38.2 Nhà sản xuất: Kyung Dong Pharm Co., Ltd. *(Đ/c: 224-3, Jeyakdanji-ro, Yanggam-Myeon, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
58	Seodurolic Tab.	Eperison hydroclorid 50mg	Viên bao đường	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18544-14

39. Công ty đăng ký: Il Hwa Co., Ltd. *(Đ/c: 437, Sutaek-dong, Guri-shi, Kyonggi-do - Korea)*

39.1 Nhà sản xuất: Kyongbo Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 174 Silok-ro, Asan-si, Chungcheongnam-Do, 336 020 - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
59	Kungcef Tab.	Citicoline (dưới dạng Citicoline natri) 500 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ 10 viên	VN-18543-14

40. Công ty đăng ký: Ildong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

40.1 Nhà sản xuất: Il Dong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 25, Gongdan 1-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Locinvid Injection 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate) 500 mg	Thuốc tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 100ml	VN-18545-14

41. Công ty đăng ký: Indus Pharma (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 65/27, Korangi Industrial area, Karachi - Pakistan)*

41.1 Nhà sản xuất: Indus Pharma (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 26, 27, 64, 65, 66, 67, Sector 27, Korangi Industrial Area, Karachi, 74900 - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Incobal Inj. 1ml	Mecobalamin 500 mcg	dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 10 ống 1 ml	VN-18546-14

42. Công ty đăng ký: Korea United Pharm. Inc. *(Đ/c: 154-8 Nohyun-dong, Kangnam-gu, Seoul - Korea)*

42.1 Nhà sản xuất: Korea United Pharm. Inc. *(Đ/c: 153 Budong-Ri, Seo-Myeon, Yeongi-Gun, Chungnam - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	Intolacin	Tobramycin 80mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	USP 35	Hộp 10 ống x 2ml	VN-18547-14

43. Công ty đăng ký: Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: No.1, Jalan TTC12, Cheng Industrial Estate, 75250 Melaka - Malaysia)*

43.1 Nhà sản xuất: Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: No. 1 & 3, Jalan TTC 12. Cheng Ind. Est. 75250 Melaka. - Malaysia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Axcel Cefaclor-125 Suspension	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat) 125 mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	USP 33	Hộp 1 chai 60ml	VN-18548-14

44. Công ty đăng ký: Kukje Pharma Ind. Co., Ltd. *(Đ/c: 513, Yatab-dong, Bundang-gu, Seongnam-City, Gyeonggi-do - Hàn Quốc)*

44.1 Nhà sản xuất: New Gene Pharm Inc. *(Đ/c: 649 Sukam-Dong, Iksan City, Jeonbuk - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Jeforazon Tab	Tolperisone	Viên bao	36	NSX	Hộp 10 vỉ x 10	VN-18549-14

		hydrochloride 150mg	đường	tháng		viên	

45. Công ty đăng ký: Kukje Pharma Ind. Co., Ltd. *(Đ/c: 513-2, Yatab-dong, Bundang-gu, Seongnam-city, Gyeonggi-do - Korea)*

45.1 Nhà sản xuất: Samik Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 374-1 Cheongcheon-Dong, Boopyeong-Gu, Incheon - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Beeocuracin Tab.	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1vỉ x 10viên	VN-18550-14

46. Công ty đăng ký: Kwan Star Co., Ltd. *(Đ/c: 21F-1, No. 268, Sec. 1, Wen Hwa Road, Banciao Dist., New Taipei city 220 - Taiwan)*

46.1 Nhà sản xuất: Oriental Chemical Works Inc. *(Đ/c: No-12, Lane 195, Chung-Shan 2 Rd, Lu-Chou Dist, New Taipei City 247 - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Mepreson Powder for Injection	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinate) 125mg	Bột pha tiêm bắp, tĩnh mạch	24 tháng	USP 35	Hộp 10 lọ	VN-18551-14
67	Mepreson Powder for Injection	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinate) 40mg	Bột pha tiêm bắp, tĩnh mạch	24 tháng	USP 35	Hộp 10 lọ	VN-18552-14

47. Công ty đăng ký: Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 345-6 Sirok-Dong, Asan-si, Chungcheongnam-do - Korea)*

47.1 Nhà sản xuất: Huons Co. Ltd *(Đ/c: 957 Wangam-dong, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Robuton	Citicoline 1g/4ml	Dung dịch tiêm tĩnh	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống 4ml	VN-18553-14

			mạch, tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch				

48. Công ty đăng ký: Laboratorios Bago S.A *(Đ/c: Bernardo de Irigoyen No 248 Buenos Aires - Argentina)*

48.1 Nhà sản xuất: Bioprofarma S.A. *(Đ/c: Terrada 1270, Ciudad Autonoma de Buenos Aires - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
69	Oxaltie (NSX Bán thành phẩm: Laboratorios IMA S.A.I.C. Địa chỉ: Pálpa 2862, Ciudad Autonoma de Buenos Aires - Argentina)	Oxaliplatin 100 mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-18554-14

49. Công ty đăng ký: Lark Laboratories (India) Ltd. *(Đ/c: A-105/2, Okhla Phase, Industrial Area, Phase II, New Delhi 110020 - India)*

49.1 Nhà sản xuất: Lark Laboratories (India) Ltd. *(Đ/c: SP-1192E Phase IV, Riico, Industrial Area,Bhiwadi - 301019, Dist. Alwar (Rajasthan) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
70	H-Inzole	Esomeprazole (dưới dạng hạt bao tan trong ruột) 20mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-18555-14

50. Công ty đăng ký: Lupin Limited *(Đ/c: 159, C.S.T Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai - 400 098 - India)*

50.1 Nhà sản xuất: Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd- Unit II *(Đ/c: Q road, Phase IV, GIDC, Wadhwan-363035 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
71	Rolavast 10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-18556-14

72	Rolavast 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-18557-14

51. Công ty đăng ký: Mega Lifesciences Public Company Limited *(Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samut Prakarn 10280 - Thailand)*

51.1 Nhà sản xuất: Pharmathen S.A *(Đ/c: 6, Dervenakion Str., 15351 Pallini, Attiki - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
73	Tormeg-10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin canxi) 10 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18558-14

52. Công ty đăng ký: Merck KGaA *(Đ/c: Frankfurter Strasse, 250 64293, Darmstadt - Germany)*

52.1 Nhà sản xuất: Merck KGaA *(Đ/c: Frankfurter Strasse, 250 64293, Darmstadt - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
74	Lodoz 10mg/6,25mg (Cơ sở đóng gói: Merck KGaA & Co. Werk Spittal; địa chỉ: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau- Austria)	Bisoprolol fumarat 10 mg; Hydrochlorothiazid 6,25 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18559-14
75	Lodoz 2,5mg/6,25mg (Cơ sở đóng gói: Merck KGaA & Co. Werk Spittal; địa chỉ: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau- Austria)	Bisoprolol fumarat 2,5 mg; Hydrochlorothiazid 6,25 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18560-14
76	Lodoz 5mg/6,25mg (Cơ sở đóng gói: Merck KGaA & Co. Werk Spittal; địa chỉ: Hoesslgasse 20, 9800 Spittal/Drau- Austria)	Bisoprolol fumarat 5 mg; Hydrochlorothiazid 6,25 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18561-14

52.2 Nhà sản xuất: PT. Merck Tbk *(Đ/c: JI. TB Simatupang No 8, Pasar Rebo;, Jakarta 13760 - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
77	Sangobion	Sắt Gluconat 250 mg; Magie sulphat 0,2 mg; Đồng sulphat 0,2 mg; Ascorbic acid (Vitamin C) 50 mg; Folic acid 1 mg; Vitamin B12 7,5 mcg; Sorbitol 25 mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 4 viên	VN-18562-14

53. Công ty đăng ký: Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd. *(Đ/c: 27/F., Caroline Centre, Lee Gardens Two 28 Yun Ping Road, Causeway Bay - Hong Kong)*

53.1 Nhà sản xuất: Organon (Ireland) Limited *(Đ/c: Drynam Road, Swords, Co Dublin. - Ireland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
78	Mercilon	Desogestrel 0,15mg; Ethinyl estradiol 0,02mg	Viên nén	48 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 21 viên	VN-18563-14

54. Công ty đăng ký: Micro Labs Limited *(Đ/c: No.27, Race Course Road, Bangalore 560 001 - India)*

54.1 Nhà sản xuất: Micro Labs Limited *(Đ/c: 92, Sipcot Hosur 635-126 Tamil Nadu - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Candelong-8	Candesartan Cilexetil 8 mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-18564-14
80	Cijoint	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-18565-14
81	Lamozile-30	Lansoprazol (dưới dạng hạt bao tan trong ruột 8,8%) 30 mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18566-14
82	Ratylno-150	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydrochlorid) 150 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 36	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-18567-14

55. Công ty đăng ký: Mylan Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: One India Bulls Centre, Tower 2-B, 7th Floor, 841, Senapati Bapat Marg, Elphinstone Road (west), Mumbai- 400013 - India)*

55.1 Nhà sản xuất: Medreich Limited *(Đ/c: Survey No. 4/3 Avalahalli, Anjanapura Post, Off Kanakapura Road, Bangalore - 560 062 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
83	Xafen 180	Fexofenadin hydroclorid 180 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1vỉ x 10viên	VN-18568-14
84	Xafen 60	Fexofenadin hydroclorid 60 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1vỉ x 10viên	VN-18569-14

56. Công ty đăng ký: Myung Moon Pharmaceutical., Co., Ltd. *(Đ/c: Myung Moon Bldg 946-18, Dokok-dong, Kangnam-gu, Seoul - Korea)*

56.1 Nhà sản xuất: Aurochem Pharmaceuticals (1)Pvt.Ltd. *(Đ/c: 58 Palghar Taluka Ind Co. Op. Estate Ltd., Palghar-401 404, Maharashtra - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
85	Zopanpra	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri) 40	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	USP 32	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-18570-14

57. Công ty đăng ký: Novartis Pharma Services AG *(Đ/c: Lichtstrasse 35, 4056 Basel - Switzerland)*

57.1 Nhà sản xuất: Novartis Pharma Stein AG *(Đ/c: Schaffhauserstrasse, CH-4332 Stein - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Galvus Met 50mg/1000mg	Vildagliptin 50mg; Metformin Hydrochlorid 1000mg	Viên nén bao phim	18 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-18571-14

58. Công ty đăng ký: Pfizer (Thailand) Ltd. *(Đ/c: Floor 36, 37, 38 United Center Building, 323 Silom Road, Silom, Bangrak, Bangkok 10500 - Thailand)*

58.1 Nhà sản xuất: Zoetis P & U LLC *(Đ/c: 2605 E, Kilgore Road, Kalamazoo, MI 49001 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
87	Dalacin T (cơ sở xuất xưởng: Pharmacia & UpJohn Company; địa chỉ: Kalamazoo, MI 49001, USA)	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat) 10mg/ml	Dung dịch dùng ngoài	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 30ml	VN-18572-14

59. Công ty đăng ký: Pharmascience Inc. *(Đ/c: 6111 Royalmount Avenue, Suite 100 Montreal, Quebec H4P2T4 - Canada)*

59.1 Nhà sản xuất: Pharmascience Inc. *(Đ/c: 6111 Royalmount Avenue, Suite 100 Montreal, Quebec H4P2T4 - Canada)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
88	PMS-Pregabalin	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Chai 100 viên nang cứng	VN-18573-14
89	PMS-Pregabalin	Pregabalin 75mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Chai 100 viên nang cứng	VN-18574-14

60. Công ty đăng ký: Phil International Co., Ltd. *(Đ/c: 629-4 Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul - Korea)*

60.1 Nhà sản xuất: Samchundang Pharm Co., Ltd. *(Đ/c: 904-1 Sangshin-Ri, Hyangnam - Myun, Hwaseong-City, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
90	Philmoxista Eye Drops	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochloride) 5mg	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	USP 35	Hộp 1 lọ 5ml	VN-18575-14

61. Công ty đăng ký: PT. Dexa Medica *(Đ/c: JI. Jend. Bambang Utoyo No. 138, Palembang - Indonesia)*

61.1 Nhà sản xuất: PT Ferron Par Pharmaceuticals *(Đ/c: Jababeka Industrial Estate I, JI Jababeka VI, Blok J3 Cikarang Bekasi - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
91	Tranmix 5%	Acid Tranexamic 250mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch,	24 tháng	BP2012	Hộp 2 khay x 5 ống x 5ml	VN-18576-14

			truyền tĩnh mạch				

62. Công ty đăng ký: Ranbaxy Laboratories Limited *(Đ/c: 12th floor, Devika Towers, 6 Nehru Place New Delhi 110 019 - India)*

62.1 Nhà sản xuất: Ranbaxy Laboratories Limited *(Đ/c: Industrial Area 3, Dewas 455001 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
92	Revitan Calcium D3 tablets	Canxi (dưới dạng Canxi carbonat) 400 mg; Vitamin D3 200 IU	viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 6 viên	VN-18577-14

63. Công ty đăng ký: Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd. *(Đ/c: 65, Lardkrabang-Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn 10540 - Thailand)*

63.1 Nhà sản xuất: Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd. *(Đ/c: 65 Moo 12, Lardkrabang-Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn 10540 - Thailand)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
93	Strepsils Throat Irritation & Cough	Ambroxol hydrochlorid 15mg	Viên ngậm	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 12 viên; hộp 24 gói x 8 viên	VN-18578-14

64. Công ty đăng ký: Synmedic Laboratories *(Đ/c: 202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar, East of Kailash, New Delhi-110065. - India)*

64.1 Nhà sản xuất: Synmedic Laboratories *(Đ/c: Plot # 106-107, HSIDC Industrial Estate, Sector-31, Faridabad- 121 003 Haryana State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
94	Acirax-800	Aciclorvir 800mg	Viên nén	36 tháng	BP 2010	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-18579-14

65. Công ty đăng ký: Taiwan Biotech Co., Ltd. *(Đ/c: No. 22 Chieh Shou Road, Taoyuan city, Taoyuan Hsien - Taiwan)*

65.1 Nhà sản xuất: Taiwan Biotech Co., Ltd. *(Đ/c: No. 22 Chieh Shou Road, Taoyuan city, Taoyuan Hsien - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
95	Mannitol Injection "Sintong"	Mannitol 60g/300ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	48 tháng	USP 36	Chai 300 ml	VN-18580-14
96	SABS Injection for I.V Infusion 5mg/ml	Metronidazol 5mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	USP 36	Hộp 20 lọ x 100ml	VN-18581-14

66. Công ty đăng ký: Torrent Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Torrent House Off. Ashram road, Ahmedabad- 380 009, Gujarat - India)*

66.1 Nhà sản xuất: Torrent Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Indrad-382721, Dist. Mehsana - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
97	Deplat	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18582-14

66.2 Nhà sản xuất: Torrent Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Village: Bhud & Makhnu Majra, Telsil: Baddi-173205, Dist: Solan. (H.P.) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
98	Normacetam	Piracetam 400mg	Viên nang cứng	48 tháng	NSX	Hộp chứa 10 hộp nhỏ x 2 vỉ x 6 viên	VN-18583-14
99	Oxedep	Fluoxetin (dưới dạng Fluoxetin hydroclorid) 20mg	Viên nang cứng	48 tháng	BP 2012	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18584-14

67. Công ty đăng ký: Zee Laboratories *(Đ/c: Uchani, G.T. road, Karnal - 132 001. - India)*

67.1 Nhà sản xuất: Swiss Parentals., Ltd. *(Đ/c: 809 Kerala Industrial Estate G.I.D.C near Bavla Dist, Ahmedabad-382 220, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
100	Nemopunem	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrate và	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP 32	Hộp 1 lọ chứa bột pha tiêm và 1 ống nước vô	VN-18585-14

		Sodium carbonate (Sodium 90,2mg)) 1g				khuẩn pha tiêm	

CỤC TRƯỞNG

Trương Quốc Cường